

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-03-2022

“V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Du.

Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm.

*- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Hương Thảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện
Vũng Liêm - Tỉnh Vĩnh Long.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia
phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.*

Ngày 07 tháng 03 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử công khai vụ án thụ lý số: 343/2021/TLST – HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2021, về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Trần Vũ L** – sinh năm: 1990 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: chị **Nguyễn Thị P** – sinh năm: 1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp R, xã Q, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Vũ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị Nguyễn Thị P hôn nhân hình thành do tự quen biết, tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình anh L và chị P đi đến hôn

nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện V vào ngày 09/01/2013.

Sau ngày cưới vợ chồng cùng sinh sống tại ấp R, xã Q. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 06 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, thường hay cự cãi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay.

Nay anh L nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được. Nên anh L yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung tên:

+ Trần Vũ L - sinh ngày 10/4/2012 hiện sống chung anh L khi ly hôn theo nguyện vọng của con muốn sống với anh L thì anh đồng ý nuôi dưỡng, anh L không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con .

+ Trần Nguyễn Gia H – sinh ngày 15/03/2015 đang sống chung với chị P, khi ly hôn anh L đồng ý giao cháu H cho chị P nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị P:

Bị đơn chị Nguyễn Thị P đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm niêm yết và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị P vẫn cố tình vắng mặt không lý do và không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm có ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Vũ L. Cho anh L được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- Về con chung: Giao cháu Trần Vũ L, sinh ngày 10/4/2012 cho anh Trần Vũ L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao cháu Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/03/2015 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Trần Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: Anh Trần Vũ L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Buộc anh Trần Vũ L phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Nguyễn Thị P không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

- *Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

Nguyên đơn đã nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); giấy khai sinh con (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Nguyên đơn anh Trần Vũ L có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị P đã được Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] **Về hôn nhân:** Mối quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Vũ L và chị Nguyễn Thị P là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân anh L trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không quan tâm đến nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc dẫn đến ly thân từ tháng 06 năm 2020 cho đến nay.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị P, Tòa án đã thực hiện thủ tục xác minh tình trạng cư trú và tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định, phía chị P vẫn cố tình vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy anh L và chị P đã sống chung một thời gian dài không hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không cải thiện được, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân không quan tâm đến nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L là phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

[3] **Về con chung:** Anh Trần Vũ L và chị Nguyễn Thị P có 02 người con chung tên Trần Vũ L, sinh ngày 10/4/2012 đang sống chung với anh L và cháu Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/03/2015 đang sống chung với chị P.

Sau khi ly hôn anh L yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu L, cháu L có nguyện vọng muốn được sống với anh L. Chị Nguyễn Thị P không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án về việc yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu L.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu L đang sống với anh L, cuộc sống của cháu đang ổn định, sức khỏe bình thường, khả năng kinh tế và điều kiện sống của anh L đảm bảo thuận tiện cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, cháu L có nguyện vọng muốn được sống với anh L. Do vậy tiếp tục giao cháu Trần Vũ L cho anh Trần Vũ L nuôi dưỡng là phù hợp phù hợp theo Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Đối với cháu Trần Nguyễn Gia H thì anh L đồng ý giao cháu H cho chị P nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện cháu H đang sống với chị P, cuộc sống của cháu đang ổn định. Do vậy tiếp tục giao cháu Trần Nguyễn Gia H cho chị Nguyễn Thị P nuôi dưỡng là phù hợp phù hợp theo Điều 81 luật hôn nhân và gia đình.

Anh L không yêu cầu chị Nguyễn Thị P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị P không có ý kiến hay văn bản gì gửi cho Tòa án về việc yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:** Anh Trần Vũ L không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc anh Trần Vũ L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí tòa án.

1/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Vũ L.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho anh Trần Vũ L được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- **Về con chung:** Giao con chung là cháu Trần Vũ L, sinh ngày 10/4/2012 cho anh Trần Vũ L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Giao con chung là Trần Nguyễn Gia H, sinh ngày 15/03/2015 cho chị Nguyễn Thị P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Vũ L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- **Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:** Anh Trần Vũ L không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân:

Buộc anh Trần Vũ L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0007867, ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thị P không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Mẫn